TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ D** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Ông Tô Văn Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 397/2022/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Tạ Công T, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện E, tỉnh Lâm Đồng. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị C, sinh năm 1964; địa chỉ: Số A, khu phố B, phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Số N đường A, khu phố B, phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/6/2022; biên bản lấy lời khai ngày 22/6/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Tạ Công T bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà C tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn, đến ngày 08/01/2010 ông T và bà C mới đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 01/10, quyển số 06. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung tên Tạ Thi T sinh ngày 14/02/1994. Đến năm 2011, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân, nguyên nhân là bất đồng trong

cuộc sống, thường xuyên tranh cãi, mặc dù cả hai đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thể hàn gắn được, hiện tại ông T không còn tình cảm với bà C và có đơn khởi kiện ly hôn bà C.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Tạ Thi T sinh ngày 14/02/1994 nay đã thành niên nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày và yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 22/6/2022, bị đơn Phan Thị C trình bày: Bà Cthống nhất với lời trình bày của ông T về quan hệ hôn nhân, con chung. Bà C đồng ý với yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông T. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Tạ Thị T sinh ngày 14/02/1994 nay đã thành niên nên bà C không yêu cầu tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung thì bà C không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bận công việc nên bà C có yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, việc tiến hành tố tụng đã đảm bảo tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Ông T có yêu cầu khởi kiện ly hôn bà C và bà C cũng đồng ý ly hôn ông T. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết cho ông T ly hôn bà C. Về con chung: Ông T và bà C có 01 con chung tên Tạ Thị T sinh ngày 14/02/1994 nay đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Tạ Công T khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với bà Phan Thị C. Bà C có địa chỉ: Số A, khu phố B, phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Số N đường A, khu phố B, phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Căn cứ các Điều: 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T và bà C có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vắng mặt ông T và bà C theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Tạ Công T và bà Phan Thị C tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1994, đến ngày 08/01/2010, ông T và bà C tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo cấp Giấy

chứng nhận kết hôn số 01/10, quyển số 06, ngày 08/01/2010 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung nhưng đến cuối năm 2011, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân, nguyên nhân là bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên tranh cãi, mặc dù cả hai đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thể hàn gắn được, hiện tại ông T không còn tình cảm với bà C và có đơn khởi kiện ly hôn bà C. Quá trình giải quyết vụ án, bà C thống nhất với lời trình bày của ông T và đồng ý ly hôn ông T. Do đó, yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông T là có cơ sở chấp nhận, phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Tạ Thị T sinh ngày 14/02/1994 nay đã thành niên và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Ông T và bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Nghĩa vụ chung: Ông T và bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 37, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều: 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Công T đối với bà Phan Thị C về việc tranh chấp ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Tạ Công T được ly hôn bà Phan Thị C.

- Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung: Ông Tạ Công T và bà Phan Thị C không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Tạ Công T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân, được trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003981, ngày 16/06/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Ông Tạ Công T và bà Phan Thị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố D;
- Chi cục THADS thành phố D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
	(Đã ký)
Nguyễn Thị Thu Vân	**Tô Văn Nhung**	**Đào Thị Thu Vân**